

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 155/CT-BCTN

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2
NĂM 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Sông Đà 2**
- Tên tiếng Anh: Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Song Da 2 JSC
- Số giấy chứng nhận ĐKKD: 0500236821
- Vốn điều lệ: 144.235.360.000 đồng
- Địa chỉ: Km10, Nguyễn Trãi, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
- Điện thoại: 024 33 510 542 Fax: 024 33 828 255
- Website: songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu: SD2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà - CTCP), được thành lập ngày 01/02/1980. Sau hơn 40 năm hình thành và phát triển, Công ty được đổi tên là Công ty xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2 và nay là Công ty cổ phần Sông Đà 2 theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Công ty cổ phần Sông Đà 2 chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/3/2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 11 ngày 9/5/2017.

- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

- Ngày 06/10/2008, Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.

- Ngày 22/10/2008, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 09/3/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,54 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.

- Ngày 26/3/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 19/11/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.

- Ngày 30/12/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 15/12/2014, Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2, tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 144,2 tỷ đồng.

- Ngày 15/01/2015, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.2. Các sự kiện khác:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn, quan trọng Quốc gia như: Nhà máy thủy điện Hòa bình, Thủy điện Sê San 3, Thủy điện Tuyên Quang, Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Vẽ, Đường dây 500KV, Đường Láng - Hòa Lạc, Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội - Bắc Ninh, Nhà khách dân tộc, Học viện Bưu chính Viễn thông, Đại học quốc gia, Dự án Khu đô thị Orange Garden, Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Phú Yên, Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, công trình đường Tiến Thịnh Nam Định, Biệt thự Nam An Khánh, Dự án KĐT mới Dương Nội - Phần HTKT, Nhà liền kề 90 Nguyễn Tuấn, công trình cải tạo cấp tuyến Sapa - Tả Phìn - Bản Khoang, DA khu liên hợp thép Hòa Phát - Dung Quất, CT Nậm Pạc...

- Trong lĩnh vực đầu tư, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai thực hiện hoàn thành và đang thực hiện đã và sẽ mang lại hiệu quả cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc - Hà Đông; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - TP Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Phường Hữu Nghị - TP Hòa Bình...

- Hiện nay Công ty có trên 113 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá trên 129 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của Công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng, Dự án khu liên hợp Thép Hòa Phát - Dung Quất, CT Thủy điện Nậm Pạc - Lai Châu...

- Công ty hiện có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 747 người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ, Ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:

+ 01 Huân chương độc lập hạng 2.

+ 01 Huân chương độc lập hạng 3.

+ 01 Huân chương lao động hạng nhất.

+ 02 Huân chương lao động hạng 2.

+ 04 Huân chương lao động hạng 3.

+ 30 Huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.

+ Nhiều Bằng khen của Chính phủ.

+ Cờ đơn vị xuất sắc Ngành Xây dựng các năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2013, 2015 và nhiều bằng khen của Bộ Xây dựng.

+ Nhiều phần thưởng cao quý khác của các Bộ ngành TW và các địa phương.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:

3.1. Ngành Nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng Công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện;
- Xây dựng các Công trình giao thông: cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền Công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và Công nghiệp xây dựng;
- Thiết kế, trang trí nội thất;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh nhà, Đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình thủy điện, nhiệt điện.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công tại các địa bàn chính như:

- Khu vực Hà nội và các vùng lân cận: Dự án Điểm thông quan nội địa Thành phố Hà Nội; Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Phú Lương - Hà Đông; Dự án Khu đô thị mới Orange Garden; Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18-Đoạn Ưông Bí - Hạ Long - Quảng Ninh; Khu đô thị Irik – Thái Nguyên, đường Chu Văn An;
- Khu vực Miền Trung - Tây Nguyên: Công trình Thủy điện Bản Vẽ tại Nghệ An; Đường vào Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa; Công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km1265+000 ÷ 1353+300, tỉnh Phú Yên; Công trình Thủy điện Hà Tây - Gia Lai; Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, DA khu liên hợp Thép Hòa Phát – Dung Quất...
- Khu vực Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía bắc: Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Thủy điện Nậm Pạc - Lai Châu, Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Huội Quảng;...

Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh đá và cát xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1,...

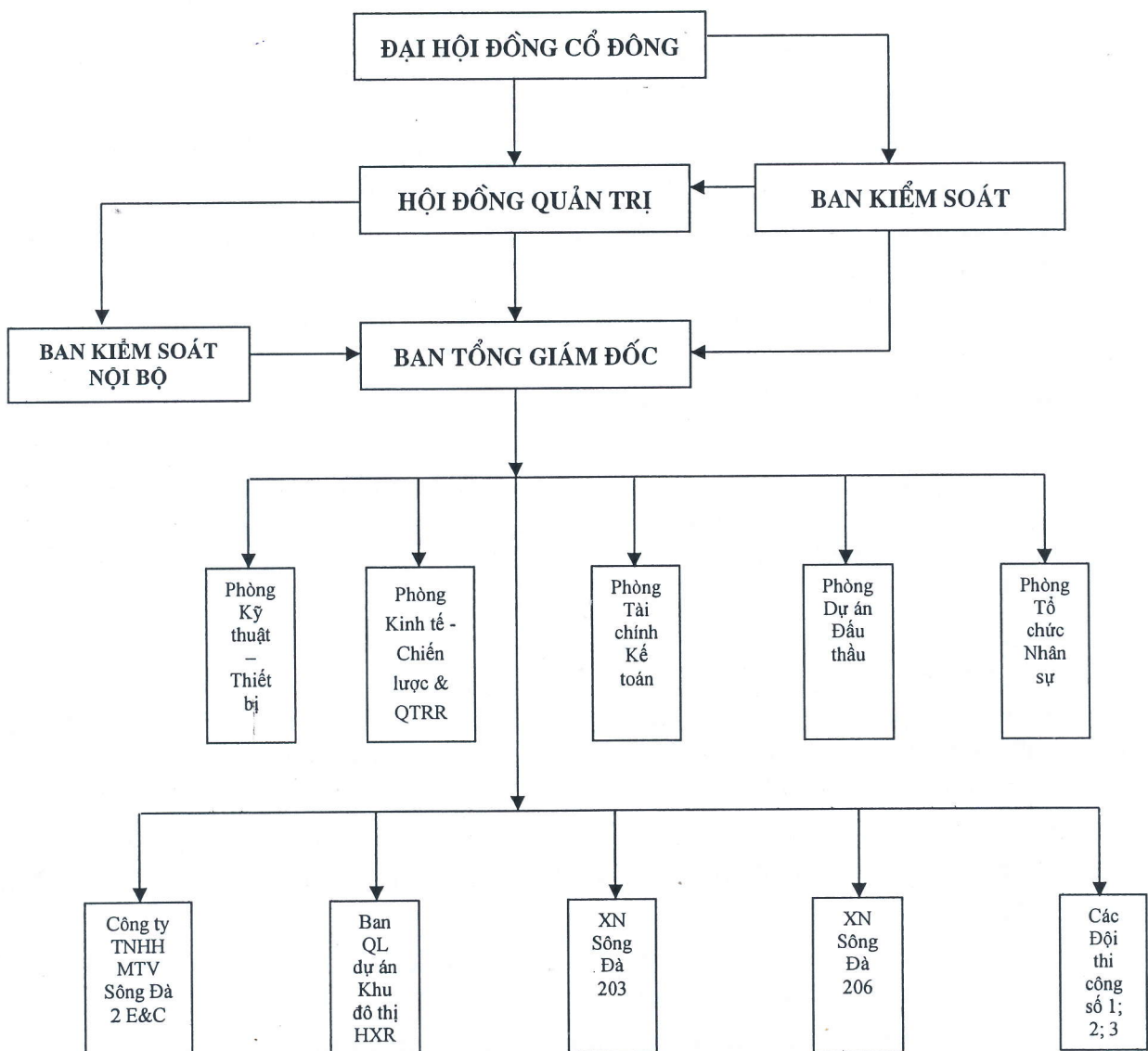
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:

4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty: (Thời điểm ngày 31/12/2019).

- Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty: 03 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc Công ty: Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.
- Sáu (06) Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế chiến lược & Quản trị rủi ro; Phòng Dự án - Đấu thầu; Phòng Kỹ thuật - Thiết bị; Ban kiểm soát nội bộ.
- Hai (02) Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Sông Đà 2.03; Xí nghiệp Sông Đà 206;
- Một (01) Ban quản lý: Ban quản lý Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thái Nguyên.
- Các đội thi công trực thuộc công ty.
- Một (01) Công ty con.

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty (Thời điểm 31/12/2019):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có một công ty con là: Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C

- Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

- Số điện thoại: 024 85887906 Fax: 024 33560838

- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 02/4/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/7/2010 theo mã số doanh nghiệp số 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2015 chuyển đổi từ Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà, thay đổi lần thứ 9 ngày 02/03/2017, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 09 năm 2018 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C.

- Ngành nghề hoạt động: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ; Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất tấm lợp, sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất bê tông nhựa nóng; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Thiết kế, trang trí nội thất; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực: Đầu tư bất động sản; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng dân dụng - công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

- Hoạt động hiệu quả: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.

- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại, hiệu quả.

5.2. Một số chỉ tiêu chính định hướng kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 (hợp nhất):

- Tổng giá trị SXKD: 4.518 tỷ đồng, tăng 139% so với kỳ trước (2011-2015).
- Tổng doanh thu: 4.180 tỷ đồng, tăng 140% so với kỳ trước.
- Nộp Ngân sách nhà nước: 184 tỷ đồng, tăng 112% so với kỳ trước.
- Lợi nhuận trước thuế: 137 tỷ đồng, tăng 114% so với kỳ trước.
- Thu nhập bình quân: 7,72 triệu đồng/người/tháng, tăng 146% so với kỳ trước.
- Tổng số CBCNV: 1.320 người, tăng 106% so với kỳ trước.
- Giá trị đầu tư: 706 tỷ đồng, tăng 106% so với kỳ trước.

5.3. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 70 - 75% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10 - 15% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác chiếm khoảng 10 - 15% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019:

Thực hiện Nghị quyết số 69/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, hoạt động SXKD của Công ty CP Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đã phát triển ổn định, ngành xây dựng đang trong quá trình phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, thị trường xây dựng vẫn rất khó khăn do cạnh tranh gay gắt trong tìm kiếm việc làm, công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn những năm trước; Thị trường việc làm trong lĩnh vực giao thông không nhiều do trong năm 2019 gần như không có dự án giao thông lớn nào khởi công. Bên cạnh đó là năng suất lao động, nguồn nhân lực còn hạn chế, nguồn vốn đầu tư cho các dự án và nền kinh tế hạn hẹp đang là những rào cản lớn cho sự phát triển của các Công ty.

Đứng trước những khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực, cố gắng khắc phục bằng nhiều giải pháp phù hợp, kịp thời như: tập trung thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả; tăng cường tiếp thị tìm kiếm việc làm, quản lý chi phí, định biên lại CBCNV, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ... Với các giải pháp và chỉ đạo kịp thời, nên trong năm 2019 Công ty đã đạt được những kết quả nhất định.

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty thực hiện trong năm 2019 (Số liệu hợp nhất):

| Số TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2019 (10 ⁶ đ) | Thực hiện năm 2019 (10 ⁶ đ) | Tỷ lệ hoàn thành | So với năm 2018 |
|-------|---------------------------------|---------------------------------------|--|------------------|-----------------|
| 1 | Giá trị SXKD | 600.325 | 495.017 | 82% | 102% |
| 2 | Doanh thu | 552.838 | 415.031 | 75% | 90,7% |
| 3 | Thực hiện đầu tư | 173.584 | 72.746 | 42% | 95,7% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 7.839 | -6.061 | | |
| 5 | Nộp Ngân sách nhà nước | 83.715 | 81.300 | 97% | 371% |
| 6 | Thu nhập bq/CBCNV /tháng (đồng) | 7.060.000 | 7.210.000 | 102% | 101% |

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách ban điều hành Công ty (đến thời điểm 31/12/2019):

a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:

- Ông: Hoàng Văn Sơn : Tổng giám đốc Công ty.
- Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.
- Ông: Lê Văn Toàn : Phó Tổng giám đốc.
- Bà: Phạm Thị Dinh : Kế toán trưởng.

b. Tóm tắt lý lịch:

b.1. Ông Hoàng Văn Sơn – Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND : 038073002953, cấp ngày 21/02/2017, tại Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc : 0904743599
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng.

- Quá trình công tác:

- + Từ 4/1999 – 8/2002: Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 15;
 - + Từ 8/2002 – 7/2003: Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty Sông Đà 9.
 - + Từ 7/2003 – 12/2006: Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, XN Sông Đà 905 – Công ty cổ phần Sông Đà 9.
 - + Từ 12/2006 – 11/2007: Phó Phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty cổ phần Sông Đà 2.
 - + Từ 11/2007 – 8/2010: Trưởng Phòng Đầu tư, Công ty cổ phần Sông Đà 2.
 - + Từ 8/2010 – 3/2013: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + Từ 3/2013 – 4/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
 - + Từ 4/2016 đến 04/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
 - + Từ 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty CP Sông Đà 2:** Sở hữu cá nhân: 25.206 cổ phần, Đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà quản lý: 1.800.000 cổ phần, chiếm 12,65% số cổ phần của Công ty.

b.2. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/07/1975
- Số CMND: : 017000787; Ngày cấp 14/07/09; Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định.
- Địa chỉ thường trú : 6-NV2 Khu nhà ở cán bộ Viện 103 – Thôn Yên Xá – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội.
- Số điện thoại : 02433 510542 (133)

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:
 - + 1996 – 1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
 - + 2000 – 2001: Nhân viên phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
 - + 2001 – 2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
 - + 2002 – 2003: Trưởng Ban tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02 – Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
 - + 2003 – 2004: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
 - + 2004 – 02/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 - Tổng công ty Sông Đà.
 - + 03/2006 - 4/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
 - + Tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 14.933 cổ phần, chiếm 0,1% số cổ phần của Công ty.

b.3. Ông Lê Văn Toàn – Phó Tổng giám đốc Công ty.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/04/1975
- Số CMND : 038075003180; Ngày cấp 21/02/2017; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 3 – Phú Mỹ - P. Mỹ Đình 2 – Q. Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại : 02433 510542 (158)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác:
 - + 1999-2000: Nhân viên xưởng thiết kế - Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Đà – UCRIN
 - + 2000-2001: Trưởng ban điều hành công trình đường 207 – Cao Bằng – Hạ Long – Công ty Sông Đà 15
 - + 2002-2003: Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 9.06 – Công ty cổ phần Sông Đà 9
 - + 2006-2007: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 961
 - + 2008-2014: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Xây Nội II.

- + 2015-T06/2018: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06.
- + T06/2018-21/11/2018: Phó Phòng Dự án Đấu thầu – Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- + Từ 22/11/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần của Công ty.

b.4. Bà Phạm Thị Dinh – Kế toán trưởng Công ty.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/12/1980
- Số CMND số : 031180006354; Ngày cấp: 28/08/2018; Nơi cấp: Cục CS
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : P22+1-05, CT1 KĐT Mỹ Đình Sông Đà, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 02433 510542 (131)
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + 11/2002 - 4/2004: Nhân viên kế toán tại công ty xây dựng Sông Đà 8.
 - + 4/2004 – 4/2007: Nhân viên kế toán tại CTCP Sông Đà 2.
 - + 4/2007 – 4/2016: Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 2.
 - + 5/2016 – 5/2017: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 2.
 - + 5/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 2.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 8.102 cổ phần, chiếm 0,056% số cổ phần của Công ty.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Với mục tiêu xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hóa lợi ích đối với phần vốn góp của các cổ đông; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong những chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.

- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.

- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.

- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung, địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng các công trình thủy điện, giao thông tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn.

- Tổng số lao động của Công ty cổ phần Sông Đà 2 tính đến ngày 31/12/2019 (bao gồm cả công ty con):

BẢNG TỔNG HỢP CBCNV TOÀN CÔNG TY

ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

| Số TT | Nội dung | 2019 (Người) | Ghi chú |
|------------|--|-----------------|---------|
| I | Tổng số: | 747 | |
| II | Phân loại theo công việc | 747 | |
| 1 | Lao động gián tiếp (chuyên môn nghiệp vụ) | 178 | |
| 2 | Lao động trực tiếp, trong đó: | 569 | |
| | + Công nhân kỹ thuật | 163 | |
| | + Lao động thời vụ | 390 | |
| | + Lao động phổ thông | 16 | |
| III | Phân loại theo trình độ học vấn | 747 | |
| 1 | Trên Đại học | 3 | |
| 2 | Đại học | 153 | |
| 3 | Cao đẳng, Trung cấp | 38 | |
| 4 | Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên) | 41 | |
| 5 | Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông | 512 | |

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình đầu tư các dự án:

Trong năm 2019 Công ty tập trung thực hiện các dự án đang thực hiện đầu tư theo kế hoạch. Tuy nhiên, công tác đầu tư các dự án đang gặp nhiều khó khăn trong công tác GPMB, thu xếp vốn, kinh doanh bán hàng, các thủ tục đầu tư với chính quyền địa

phương kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả dự án.

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2019: Giá trị đầu tư năm 2019: TH 72,746 tỷ đồng/KH 173,584 tỷ đồng, đạt 42% KH, trong đó:

+ Công ty mẹ: Thực hiện 68,546 tỷ đồng/KH 168,034 tỷ đồng, đạt 41% KH

+ Công ty con: Thực hiện 4,2 tỷ đồng/KH 5,55 tỷ đồng, đạt 76% KH

3.2. Tình hình đầu tư vào doanh nghiệp khác đến 31/12/2019:

| Số TT | Tên Công ty | Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2019 |
|-----------|---|------------------------------------|
| I | Đầu tư vào công ty con | 47.243.530.000 |
| 1 | Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà | 47.243.530.000 |
| II | Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác | 1.245.000.000 |
| 1 | Công ty CP Thủy điện ĐắkĐrinh | 660.000.000 |
| 2 | Công ty Cổ phần G.S.M | 585.000.000 |
| | Tổng cộng | 48.488.530.000 |

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính riêng công ty mẹ:

DVT: nghìn đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Tăng giảm (%) |
|-------------------------------------|-------------|-------------|---------------|
| - Tổng giá trị tài sản | 484.199.193 | 406.075.815 | 83% |
| - Doanh thu thuần | 272.999.010 | 170.200.625 | 62,3% |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.653.304 | 6.747.888 | 119,3% |
| - Lợi nhuận khác | 2.398.736 | 483.250 | 20,14% |
| - Lợi nhuận trước thuế | 8.052.040 | 7.231.139 | 89,8% |
| - Lợi nhuận sau thuế | 2.618.548 | 2.470.992 | 94,3% |
| - Tỷ lệ cổ tức | | | |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – riêng công ty mẹ:

| Các chỉ tiêu | DVT | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|---|-----|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | | | | |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,62 | 1,51 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh | | | | |

| | | | | |
|---|------|--------|--------|--|
| TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn | Lần | 1,002 | 0.81 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 60,06 | 53,98 | |
| + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 150,38 | 117,34 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 1,48 | 0,85 | |
| + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | | 0,56 | 0,42 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| + Hệ số LNST/ Doanh thu thuần | % | 0,95 | 1,45 | |
| + Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu | % | 1,35 | 1,32 | |
| + Hệ số LNST/ Tổng tài sản | % | 0,54 | 0,61 | |
| + Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần | % | 2,07 | 4 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của công ty : 14.423.536 cổ phần.
- Số cổ phần đang lưu hành : 14.423.536 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.423.536 cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm chốt danh sách ngày 31/03/2020: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, số lượng cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 40,7% vốn điều lệ.

| STT | Cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------|--------------------|-----------------------|
| 1 | Tổ chức | 5.933.041 | 41,13% |
| | - Trong nước | 5.925.041 | 41,08% |
| | - Nước ngoài | 8.000 | 0,055% |
| 2 | Cá nhân | 8.490.495 | 58,87% |
| | - Trong nước | 7.621.021 | 52,84% |
| | - Nước ngoài | 869.474 | 6,03% |
| 3 | Tổng cộng | 14.423.536 | 100% |

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu: Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là xây lắp các công trình giao thông, dân dụng, thủy điện thủy lợi; Do vậy nguyên vật liệu để sử dụng cấu thành sản phẩm của Công ty chính là nguyên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản (sắt, thép, xi măng, cát, đá,...). Công ty đã ban hành các quy định và thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng vật tư, vật liệu tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí và bảo vệ môi trường.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.

- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.

- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định của địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Thuận lợi và khó khăn:

Năm 2019, hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty cổ phần Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đã có những bước tăng trưởng, ngành xây dựng vẫn đang trong quá trình phục hồi. Tuy nhiên, việc tìm kiếm việc làm của đơn vị vẫn gặp rất khó khăn do mức độ cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Khắc phục những khó khăn, năm 2019 Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực, cố gắng tìm các giải pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm; Quản lý chi phí; Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án; Tập trung công tác thu vốn; Tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí tài chính; Đào tạo, tuyển dụng bổ sung cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ... Tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ

yếu nhưng Công ty vẫn duy trì được sản xuất kinh doanh ổn định và thực hiện đầy đủ các chế độ, nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động.

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2019:

a. Số liệu Báo cáo hợp nhất

| Số TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch (10 ⁶ đ) | Thực hiện (10 ⁶ đ) | Tỷ lệ hoàn thành | So với năm 2018 |
|-------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------|-----------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 600.325 | 495.017 | 82% | 102% |
| 2 | Doanh thu | 552.838 | 415.031 | 75% | 90,7% |
| 3 | Thực hiện đầu tư | 173.584 | 72.746 | 42% | 95,7% |
| 4 | Nộp Ngân sách Nhà nước | 83.715 | 81.300 | 97% | 371% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 7.839 | -6.061 | | |
| 6 | Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu | 1.42% | | | |
| 7 | Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ | 5.43% | | | |
| 8 | Tổng số CBCNV | 1.220 | 747 | 61,23% | 84,5% |
| 9 | Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng) | 7.060.000 | 7.210.000 | 102,1% | 101,2% |
| 10 | Tỷ lệ chia cổ tức/năm | 0% | | | |

b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ

| Số TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch (10 ⁶ đ) | Thực hiện (10 ⁶ đ) | Tỷ lệ hoàn thành | So với năm 2018 |
|-------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------|-----------------|
| 1 | Giá trị sản xuất kinh doanh | 365.015 | 188.464 | 51.6% | 72% |
| 2 | Doanh thu | 333.757 | 172.505 | 51.7% | 63.2% |
| 3 | Thực hiện đầu tư | 168.034 | 68.546 | 40,8% | 96.2% |
| 4 | Nộp Ngân sách Nhà nước | 60.955 | 61.756 | 101.3% | 107.4% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 6.743 | 7.231 | 107.2% | 89.8% |
| 6 | Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu | 1.98% | 4.19% | 211.6% | 142% |
| 7 | Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ | 4.68% | 5.01% | 107% | 89.7% |
| 8 | Tổng số CBCNV | 600 | 300 | 50% | 68.3% |
| 9 | Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng) | 7.130.000 | 7.040.000 | 98,7% | 101.4% |

Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2019 của Công ty mẹ; Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu: 186,8 tỷ đồng.
- + Vốn điều lệ: 144,2 tỷ đồng.
- + Thặng dư vốn: 15,7 tỷ đồng.
- + Các quỹ doanh nghiệp: 24,01 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 2,84 tỷ đồng.

- Vốn vay các TCTD cho SXKD và đầu tư: 95,17 tỷ đồng.
- + Vốn ngắn hạn: 76,27 tỷ đồng.
- + Vốn trung hạn, dài hạn: 18,9 tỷ đồng.

2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)

2.1. Báo cáo hợp nhất:

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2019 |
|---|-------------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| - Khả năng thanh toán tổng quát | Lần | 1.38 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0.74 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 72.2 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 27.8 |
| 3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 92.4 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 7.5 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần | % | (2.62) |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | (1.6) |
| 5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp) | | |
| - Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành) | Đồng | (750) |

2.2. Báo cáo Công ty mẹ

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2019 |
|--|-------------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| - Khả năng thanh toán tổng quát | Lần | 1.85 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0.89 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 54 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 46 |
| 3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 81.5 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 18.4 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần | % | 1.45 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0.61 |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công: Cơ bản đáp ứng yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác quản lý điều hành của Công ty tại các công trình trọng điểm, cơ bản đảm bảo hoàn thành mục tiêu tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư và Nhà thầu chính.
- Công tác quản lý khối lượng, chất lượng:
 - + Lập và phê duyệt biện pháp thi công chi tiết trước khi triển khai thi công các công trình;
 - + Kiểm tra, lựa chọn các loại vật liệu chính đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cho các công trình.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, quản lý môi trường:
 - + Thường xuyên kiểm tra, yêu cầu các đơn vị thực hiện thi công đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
 - + Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018;
 - + Trong năm 2019, tại các công trình thi công không để xảy ra mất an toàn lao động.
- Công ty đã chủ động cân đối, điều chuyển xe máy thiết bị kịp thời đảm bảo phục vụ thi công các công trình trọng điểm như: Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Dự án khu liên hợp Thép Hòa Phát – Dung Quất, Công trình Thủy Điện Nậm Pạc...;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị.
- Công ty đã chủ động làm việc với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và đầu tư của Công ty. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp;
- Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm điểm công tác thu vốn tại các công trình, phân giao cụ thể nhiệm vụ của từng lãnh đạo Công ty, Phòng ban Công ty đối với từng công trình cụ thể. Nghiên cứu đề xuất các phương án để thu hồi các khoản công nợ khó đòi;
- Giải quyết tốt công tác thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân;
- Rà soát, phân loại và đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu, đầu tư tài chính. Đến 31/12/2019, đã trích lập dự phòng theo quy định số tiền 17,9 tỷ đồng; Xóa nợ phải trả lâu năm đối với những khoản phải trả không xác định được đối tượng trả.
- Thực hiện giao kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm cho từng đơn vị. Lập các báo cáo theo quy định kịp thời phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty;
- Xây dựng dự toán chi phí và ký hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi Công ty nhận thầu thi công các công trình. Thực hiện quyết toán hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi công trình kết thúc thi công;
- Công tác ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế: Đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và quy chế phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;
- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và giải quyết các vướng mắc kinh tế tại các công trình được tập trung thực hiện và cơ bản đạt được kết quả theo yêu cầu;
- Hàng tháng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí phù hợp với đầu thu và dự toán chi phí đã được phê duyệt.

Trong năm 2019, Công ty đã trúng thầu các công trình với tổng giá trị là 428,6 tỷ đồng.

4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2019:

Giá trị thực hiện đầu tư năm 2019: Giá trị đầu tư năm 2019: TH 72,746 tỷ đồng/KH 173,584 tỷ đồng, đạt 42% KH, trong đó:

+ Công ty mẹ: Thực hiện 68,546 tỷ đồng/KH 168,034 tỷ đồng, đạt 41% KH

+ Công ty con: Thực hiện 4,2 tỷ đồng/KH 5,55 tỷ đồng, đạt 76% KH

Nguyên nhân không đạt kế hoạch cụ thể như sau:

+ Do công tác giải phóng mặt bằng còn gặp vướng mắc.

+ Do một số thủ tục chuẩn bị đầu tư triển khai còn chậm.

4.1 Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên

4.1.1 Thủ tục đầu tư

- Hồ sơ bản giao GĐ1 các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: Ban QLDA đã thống nhất quy trình, thủ tục, cách thức bản giao, kiểm định xây dựng và giám sát các hạng mục tại dự án với Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên.

- Kết luận kiểm toán nhà nước: Đã thực hiện xong các kết luận của Kiểm toán nhà nước theo nội dung thông báo số 201/TB-KTNN ngày 15/01/2019.

- Kiểm toán độc lập: Đang thực hiện kiểm toán giá trị đầu tư với ban quản lý dự án KĐT HXR.

- Quyết toán hạng mục di chuyển đường điện 22KV Bắc Nam: UBND TP. Thái Nguyên đã ký quyết định phê duyệt số 5689/QĐ-UBND ngày 10/07/2019.

- Đơn giá bồi thường, tái định cư năm 2019: Đã trình UBND Tỉnh phê duyệt đơn giá bồi thường, tái định cư kéo dài đến hết năm 2020.

- Công ty, BQL dự án đã thực hiện các hồ sơ, thủ tục trình các cấp có thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

- Phương án kiến trúc tòa nhà chung cư hỗn hợp CT02:

+ Đã lựa chọn và phê duyệt phương án kiến trúc theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐQT ngày 02/05/2019 của HĐQT Công ty.

+ Đã lựa chọn Nhà thầu Khảo sát địa chất; Nhà thầu Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi và Nhà thầu Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Đã trình thẩm định thiết kế cơ sở về thiết kế PCCC và Phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt tại văn bản số 1645/PCCC&CHCN-Đ2 ngày 04/09/2019.

4.1.2 Giải phóng mặt bằng

Lũy kế diện tích GPMB là: 42,1ha/43,45ha, đạt 96,9%. Diện tích còn lại chưa GPMB là 1,35ha, chiếm 3,1%; Lũy kế giá trị đã thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB là: 487,49 tỷ đồng/558,38 tỷ đồng, đạt 87%. Lũy kế thực hiện năm 2019 như sau:

- Số hộ thực hiện GPMB là: 17/76 hộ, đạt 22,3%.

- Số diện tích thu hồi bồi thường là 5.480/16.700m², đạt 32,8%.

- Số tiền đã chi trả bồi thường GPMB là 39/83 tỷ đồng, đạt 47%.

4.1.3 Công tác quản lý dự án:

- Các hạng mục Công ty CP Sông Đà 2 đang triển khai thi công được quản lý thực hiện theo quy trình giám sát chất lượng của Công ty và các quy định của Pháp luật.

- Công tác giám sát thi công tại hiện trường do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, quy định hiện hành.

- Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án: Hàng tuần, tháng, quý Công ty CP Sông Đà 2 thực hiện nghiêm túc các công tác kế hoạch, kế hoạch nhiệm vụ, báo cáo, kiểm tra thực hiện đối với Ban QLDA Khu đô thị Hồ Xương Rồng và các phòng ban chức năng liên quan phối hợp thực hiện dự án.

4.1.4 Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng (hạng mục công trình):

Trong năm 2019 tiếp tục thực hiện thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đất đã giải phóng và bàn giao mặt bằng: các hạng mục chính gồm san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống điện... Tổng giá trị thực hiện: 11,58 tỷ đồng/32,85 tỷ đồng đạt 35% kế hoạch năm 2019.

4.2 Dự án Khu nhà ở liền kề phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình

4.2.1 Thủ tục đầu tư

- Hồ sơ giá đất: Hồ sơ giá đất và tiền sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 14/01/2019.

- Hồ sơ đấu thầu: HĐQT Công ty đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu cung cấp và lắp đặt trạm biến áp Kios 320 KVA theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 07/05/2019; Tổ chức đấu thầu và thi công lắp đặt trạm biến áp Kios 320 KVA theo đúng quy định.

- Kiểm toán dự án: Công ty đã thực hiện chỉ định thầu Gói thầu Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, nhà thầu là Công ty TNHH Hằng kiểm toán AASC.

- Sở XD Hòa Bình đã có kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại văn bản số 1641/KH-SXD ngày 20/06/2019.

- Công tác bàn giao HTKT giai đoạn 1: UBND TP.Hòa Bình đã có văn bản số 1866/UBND-QLKT ngày 12/08/2019 về việc Giao quản lý hạ tầng kỹ thuật dự án.

4.2.2 Giải phóng mặt bằng:

Tiếp tục phối hợp với UBND thành phố Hòa Bình, Trung tâm phát triển quỹ đất, và UBND phường Hữu Nghị giải quyết vướng mắc công tác GPMB của dự án (đối với phần diện tích chưa GPMB thực hiện ở giai đoạn 2).

4.2.3 Công tác quản lý dự án:

Các hạng mục Công ty CP Sông Đà 2 đang triển khai thi công được quản lý thực hiện theo quy trình giám sát chất lượng của Công ty và các quy định của Pháp luật.

Công tác giám sát thi công tại hiện trường do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, quy định hiện hành.

4.2.4 Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng (hạng mục công trình):

Thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án theo thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt (trên phần diện tích đã có mặt bằng sạch); Đã lắp đặt xong trạm biến áp Kios 320 KVA. Giá trị thực hiện lũy kế năm 2019 là: 4,1 tỷ đồng.

5. Kế hoạch phát triển trong năm 2020:

- Nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm theo ngành nghề kinh doanh chính đảm bảo đủ việc làm theo kế hoạch SXKD năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả trọng tổ chức thi công các công trình, đảm bảo chất lượng, tiến độ; quản lý chi phí hiệu quả. Giải quyết các vướng mắc về kinh tế, kỹ thuật, tập trung công tác thu vốn, thu hồi công nợ; đặc biệt là các công trình đã hoàn thành từ lâu: Thủy điện Bản Vẽ, TĐ Xekaman, CT Orange Garden, Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (gói thầu số 4 và gói thầu A4 Lotte).

- Thực hiện các dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; Kế hoạch đầu tư theo tiến độ dự án.

- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ Chỉ huy trưởng công trường, trình độ Tiếng Anh cho CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và tăng năng suất lao động.

- Tích cực và tiếp tục hoàn thành các thủ tục thoái vốn tại một số doanh nghiệp khác theo kế hoạch để tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Trên cơ sở kế hoạch của năm 2019 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...

- HĐQT đã sắp xếp trực tiếp làm việc với Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng liên quan cùng thảo luận, đưa ra các giải pháp, biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn vướng mắc.

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp chuyên đề; lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, quyết định và văn bản chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD theo thẩm quyền của HĐQT công ty:

- Trình ĐH đồng cổ đông các nội dung theo thẩm quyền quyết định của ĐH. Ban hành các Nghị quyết, quyết định và văn bản chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Phê duyệt và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý, tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2019; phê duyệt mức trích khấu hao TSCĐ 2019.

- Xem xét, thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý tiếp theo.

- Sắp xếp lại tổ chức một số phòng chức năng Công ty, đơn vị trực thuộc, giảm cấp quản lý trung gian, tăng hiệu quả điều hành, hiệu quả công việc, giảm chi phí tài chính.

- Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và yêu cầu phát triển của công ty.

- Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo phân cấp, thẩm quyền của HĐQT.

- Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác đầu tư vào các dự án; Thanh lý tài sản, xe máy thiết bị hết khấu hao, hiệu quả sử dụng kém.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ các mặt hoạt động SXKD của công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp. Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.

- Trong năm 2019, Ban Điều hành đã nỗ lực điều hành triển khai, thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT; Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật và quy định quản lý nội bộ của công ty. Tuy nhiên kết quả SXKD chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc; Định kỳ hàng tuần, tháng tổ chức họp giao ban với các đơn vị, phòng ban để đánh giá kết quả thực hiện, giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Thực hiện các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động SXKD của Công ty;

- Ban Điều hành đã kiện toàn cơ cấu tổ chức các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc phù hợp với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

- Báo cáo, cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để các Cơ quan chức năng Nhà nước và cấp trên thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Có các quy định chặt chẽ về nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công.

- Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khoẻ người lao động; Công bố thông tin kịp thời theo quy định.

3. Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác đấu thầu; xây dựng cơ sở dữ liệu; mở rộng hợp tác nhằm nâng cao năng lực trong đấu thầu; lựa chọn gói thầu, dự án phù hợp, chú trọng các lĩnh vực là ngành nghề chính của công ty (Xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, dân dụng, hạ tầng công nghiệp, khu đô thị...).

- Nâng cao năng lực thi công, tổ chức thi công các công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả; Tạo uy tín tốt với chủ đầu tư

- Hoàn thiện công tác xây dựng đơn giá nội bộ; Tiếp tục thực hiện công tác giao khoán thi công và quản lý chi phí, quyết toán định kỳ.

- Tập trung công tác thu vốn, thu hồi công nợ; quyết toán và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong như: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Dự án Khu đô thị Vườn Cam; Thủy điện Xekaman 1; Thủy điện Bản Vẽ; Đường Chu Văn An - Hà Nội,...

- Chủ động trong công tác thu xếp vốn, đảm bảo dòng tiền cho SXKD, đầu tư và trả nợ.
- Thoái vốn các khoản đầu tư tài chính tại Công ty cổ phần thủy điện Đakrinh (Ủy thác qua TCT Sông Đà); Công ty CP GSM.
- Tiếp tục triển khai công tác đầu tư dự án, tập trung giải quyết các khó khăn trong công tác GPMB, thu xếp vốn cho dự án, thi công xây dựng, bàn giao hạ tầng kỹ thuật, quyết toán dự án. Nghiên cứu phát triển các dự án mới.
- Thực hiện nghiên cứu ứng dụng công nghệ, các tiên bộ của khoa học kỹ thuật vào thi công và quản lý, nâng cao hiệu quả trong SXKD và quản lý doanh nghiệp.
- Tiếp tục sắp xếp lại mô hình quản lý sản xuất của công ty, giảm dần cấp quản lý trung gian, định biên số lượng CBCNV theo hướng tinh gọn gắn với chất lượng.
- Thường xuyên rà soát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy chế quy định, đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật và yêu cầu phát triển của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội tại công ty và công ty con.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 2 được Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 2016-2021 gồm 5 thành viên. Trong đó có: Chủ tịch, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, 03 thành viên HĐQT (trong đó 01 thành viên HĐQT độc lập).

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 15,8% số cổ phần của Công ty là đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

2. Ông Hoàng Văn Sơn – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 12,65 % số cổ phần của Công ty, trong đó: 12,47% số cổ phần của Công ty là đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

3. Ông Nguyễn Vũ Luật – Thành viên HĐQT với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 8,32% số cổ phần của Công ty là đại diện phần vốn của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

4. Ông Trần Văn Trường – Thành viên HĐQT với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 0,1% số cổ phần của Công ty là sở hữu cá nhân.

5. Bà Triệu Thị Thu Phương – Thành viên HĐQT độc lập với tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 2 không có sự thay đổi về nhân sự.

1.2 Các hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

- HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ theo quy định và nhiều cuộc họp chuyên đề khác; Tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT các vấn đề quan trọng, thuộc thẩm quyền của HĐQT bằng văn bản; Ban hành 57 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của

HDQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HDQT công ty được ban hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của Công ty CP Sông Đà 2.

- HDQT chỉ đạo/ giám sát thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chuyên môn thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thông qua các nghị quyết, quyết định và chỉ thị của HDQT trong các lĩnh vực hoạt động của công ty:

- *Về thực hiện thi công xây lắp:* Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện triển khai thi công và quản lý các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn và có hiệu quả. Từng bước nâng cao năng lực thi công, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, tiến độ, giá thành cạnh tranh, tạo uy tín tốt với chủ đầu tư. Tuy nhiên, một số công trình gặp nhiều khó khăn, công tác bàn giao mặt bằng chậm, thiếu thiết kế, thiếu vốn thanh toán, công tác tổ chức thi công có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu, đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch thi công, thu vốn và hiệu quả của công ty.

- *Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:* HDQT luôn xác định công tác thị trường, đấu thầu là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Công ty đã rất tích cực triển khai nhiều giải pháp, hoàn chỉnh hồ sơ năng lực, kinh nghiệm; Nghiên cứu, lựa chọn gói thầu, dự án phù hợp và hợp tác với các đối tác nhằm nâng cao năng lực trong đấu thầu. Tuy nhiên, lực lượng cán bộ làm đấu thầu còn hạn chế.

- *Công tác kinh tế - kế hoạch:* HDQT đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp trong công tác kinh tế - kế hoạch, xây dựng dự toán, quản lý giá thành nội bộ, thực hiện giao khoán và quyết toán định kỳ đối với từng công trình. Tuy nhiên, công tác quản lý kinh tế, kế hoạch còn một số tồn tại: Giá trị dở dang, công nợ còn lớn, tồn tại nhiều vướng mắc về kinh tế tại một số dự án chưa được giải quyết, gây khó khăn trong công tác thu vốn.

- *Công tác tài chính:* Công ty đã chủ động trong việc thu xếp vốn, cơ bản đảm bảo dòng tiền cho SXKD và trả nợ.

- *Công tác đầu tư:* Đã chỉ đạo thực hiện đầu tư, kinh doanh các dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật. Tuy nhiên, công tác đầu tư các dự án đang gặp nhiều khó khăn trong công tác GPMB, thu xếp vốn, kinh doanh bán hàng, các thủ tục đầu tư với chính quyền địa phương kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả dự án. HDQT đang tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, phát triển các dự án bất động sản mới.

- *Công tác tổ chức, cán bộ:* HDQT đã chỉ đạo sắp xếp lại mô hình quản lý và sản xuất của công ty, theo hướng giảm dần cấp quản lý trung gian là các xí nghiệp, chi nhánh, thay bằng các ban dự án, đội thi công trực tiếp trực thuộc công ty; Sắp xếp lại các phòng chức năng; định biên số lượng CBCNV. Đánh giá bước đầu đem lại hiệu quả trong quản lý điều hành, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư:* Hiện nay, các khoản đầu tư tài chính của công ty còn giá nhỏ. Công ty đang tìm kiếm đối tác và thực hiện công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần GSM và Công ty cổ phần Thủy điện Đakrinh.

- Đã thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế văn thư lưu trữ, Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.. vv.

- Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát nội bộ theo kế hoạch.

HDQT và các thành viên HDQT công ty đã hoạt động theo đúng Điều lệ, các quy định hiện hành của pháp luật, quy chế quản lý nội bộ của công ty; Các thành viên HDQT đã chủ động, trách nhiệm, trung thực và cẩn trọng để thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được giao vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Bình Lục - Trưởng Ban kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 602.100 cổ phần, chiếm 4,17% số cổ phần của Công ty, trong đó: Đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà: 600.000 cổ phần; Sở hữu cá nhân: 2.100 cổ phần.

- Ông Lương Xuân Trường - Thành viên BKS.
- Ông Trần Thế Anh - Thành viên BKS.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019 các hoạt động của Ban kiểm soát Công ty là kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành ở Công ty, cụ thể như sau:

- Thực hiện các nội dung hoạt động thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Tham gia góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định, đảm bảo các quy định nội bộ của Công ty được cập nhật kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của Công ty.

- Tham dự các cuộc họp hàng quý của HĐQT, giao ban tháng, tuần của ban điều hành, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và có những góp ý, ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2019 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) phát hành.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

C. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Tổng giám đốc và BKS:

- Lương, thù lao và các lợi ích khác của HĐQT; Ban Tổng giám; Ban kiểm soát:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Ngọc – CT HĐQT | : 377.993.111, đồng |
| 2. Ông Hoàng Văn Sơn – TV HĐQT, TGD công ty | : 306.892.939, đồng |
| 3. Ông Nguyễn Vũ Luật – TV HĐQT (thù lao) | : 52.499.043, đồng |
| 4. Bà Triệu Thị Thu Phương – TV HĐQT (thù lao) | : 52.499.043, đồng |
| 5. Ông Trần Văn Trường – TV HĐQT, Phó TGD | : 402.369.233, đồng |
| 6. Ông Nguyễn Bình Lục – Trưởng BKS | : 230.995.790, đồng |
| 7. Ông Lương Xuân Trường – TV BKS | : 116.623.631, đồng |
| 8. Ông Trần Thế Anh – TV BKS (thù lao) | : 31.499.043, đồng |

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ, đúng quyền hạn và trách nhiệm.

VI. Báo cáo Tài chính:

Các Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán, đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và website của Công ty.

1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

- Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------|---------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 624.262.212.699 | 591.175.512.805 |
| 110 | I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 4.012.490.125 | 14.842.988.307 |
| 111 | I. | Tiền | | 4.012.490.125 | 14.842.988.307 |
| 130 | III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 332.704.822.243 | 325.467.996.054 |
| 131 | 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 299.495.132.815 | 306.947.133.169 |
| 132 | 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 6.598.824.392 | 10.289.407.563 |
| 136 | 3. | Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 44.027.701.753 | 22.132.145.393 |
| 137 | 4. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (17.416.836.717) | (13.900.690.071) |
| 140 | IV. | Hàng tồn kho | 9 | 280.914.012.381 | 246.884.713.194 |
| 141 | 1. | Hàng tồn kho | | 280.914.012.381 | 246.884.713.194 |
| 150 | V. | Tài sản ngắn hạn khác | | 6.630.887.950 | 3.979.815.250 |
| 151 | 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 12 | 539.854.282 | 276.770.933 |
| 152 | 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 5.638.085.929 | 3.702.675.917 |
| 153 | 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | 452.947.739 | 368.400 |
| 200 | B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 50.966.640.808 | 62.848.138.440 |
| 210 | I. | Các khoản phải thu dài hạn | | 1.682.629.844 | 2.111.382.358 |
| 216 | 1. | Phải thu dài hạn khác | 7 | 1.682.629.844 | 2.111.382.358 |
| 220 | II. | Tài sản cố định | | 40.083.288.957 | 48.331.507.805 |
| 221 | 1. | Tài sản cố định hữu hình | 11 | 40.083.288.957 | 48.331.507.805 |
| 222 | - | Nguyên giá | | 194.514.880.618 | 196.743.709.160 |
| 223 | - | Giá trị hao mòn lũy kế | | (154.431.591.661) | (148.412.201.355) |

| | | | | | |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|-----------|------------------------|------------------------|
| 240 | IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 10 | | 2.118.431.562 |
| 242 | 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | | 2.118.431.562 |
| 250 | V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 600.000.000 | 892.500.000 |
| 253 | 1. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.185.000.000 | 1.185.000.000 |
| 254 | 2. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (585.000.000) | (292.500.000) |
| 260 | VI. | Tài sản dài hạn khác | | 8.600.722.007 | 9.394.316.715 |
| 261 | 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 8.600.722.007 | 9.394.316.715 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | | 675.228.853.507 | 654.023.651.245 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-------|-----------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. | NỢ PHẢI TRẢ | | 487.316.439.381 | 446.277.116.566 |
| 310 | I. | Nợ ngắn hạn | | 465.639.483.017 | 400.458.385.780 |
| 311 | 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 138.367.477.943 | 79.590.646.438 |
| 312 | 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14 | 92.894.601.502 | 37.676.484.406 |
| 313 | 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 17.937.681.739 | 22.840.378.795 |
| 314 | 4. | Phải trả người lao động | | 13.487.199.043 | 13.409.146.706 |
| 315 | 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 16.876.965.641 | 5.287.465.652 |
| 319 | 6. | Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 13.615.730.002 | 6.203.678.124 |
| 320 | 7. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 18 | 172.431.669.906 | 235.194.424.498 |
| 321. | 8. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | | | 176.503.920 |
| 322 | 9. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 28.157.241 | 79.657.241 |
| 330 | II. | Nợ dài hạn | | 21.676.856.364 | 45.818.730.786 |
| 338 | 1. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 18 | 20.969.010.860 | 44.497.818.529 |
| 342 | 2. | Dự phòng phải trả dài hạn | | 707.945.504 | 1.320.912.257 |
| 400 | D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 187.912.414.126 | 207.746.534.679 |
| 410 | I. | Vốn chủ sở hữu | 19 | 187.912.414.126 | 207.746.534.679 |
| 411 | 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | | 144.235.360.000 | 144.235.360.000 |
| 411a | | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | | <i>144.235.360.000</i> | <i>144.235.360.000</i> |
| 412 | 2. | Thặng dư vốn cổ phần | | 15.704.407.780 | 15.704.407.780 |
| 414 | 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | | 7.389.630.601 | 7.389.630.601 |
| 418 | 4. | Quỹ đầu tư phát triển | | 24.957.109.862 | 24.870.409.119 |
| 421 | 5. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (4.374.094.117) | 15.546.727.179 |
| 421a | | <i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i> | | <i>6.448.026.109</i> | <i>13.518.412.771</i> |

| | | | | | |
|------|----------------------------|------------------------------------|--|------------------------|------------------------|
| 421b | | <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | | (10.822.120.226) | 2.028.314.408 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | | 675.228.853.507 | 654.023.651.245 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-------|----------|--|-------------|------------------|-----------------|
| 01 | 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21 | 412.448.738.844 | 457.533.335.157 |
| 02 | 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | | | - |
| 10 | 3. | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 412.448.738.844 | 457.533.335.157 |
| 11 | 4. | Giá vốn hàng bán | 22 | 362.413.616.141 | 388.336.053.953 |
| 20 | 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 50.035.122.703 | 69.197.281.204 |
| 21 | 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 217.392.567 | 31.364.192 |
| 22 | 7. | Chi phí tài chính | 24 | 16.404.472.675 | 20.718.342.468 |
| 23 | | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 15.925.940.555 | 19.852.875.085 |
| 25 | 9. | Chi phí bán hàng | 25 | 6.366.631.256 | 6.443.664.713 |
| 26 | 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33.580.417.271 | 36.342.131.268 |
| 30 | 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (6.099.005.932) | 5.724.506.947 |
| 31 | 12. | Thu nhập khác | 27 | 2.364.939.294 | 2.700.650.144 |
| 32 | 13. | Chi phí khác | 28 | 2.327.907.351 | 600.852.209 |
| 40 | 14. | Lợi nhuận khác | | 37.031.943 | 2.099.797.935 |
| 50 | 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (6.061.973.989) | 7.824.304.882 |
| 51 | 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 29 | 4.760.146.237 | 5.795.990.474 |
| 52 | 17. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (10.822.120.226) | 2.028.314.408 |
| 61 | 19. | Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | | (10.822.120.226) | 2.028.314.408 |
| 62 | 20. | Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát | | - | - |
| 70 | 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 30 | (750) | 141 |

2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động

kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Công ty mẹ.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|------------|--------------------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 331.174.682.828 | 400.085.958.086 |
| 110 | I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 2.202.440.886 | 12.802.397.320 |
| 111 | 1. | Tiền | | 2.202.440.886 | 12.802.397.320 |
| 130 | III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 174.988.350.550 | 231.323.459.966 |
| 131 | 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 176.409.570.264 | 227.059.916.127 |
| 132 | 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 2.994.112.429 | 4.239.927.635 |
| 136 | 3. | Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 12.922.906.574 | 13.845.708.275 |
| 137 | 4. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (17.338.238.717) | (13.822.092.071) |
| 140 | IV. | Hàng tồn kho | 9 | 153.075.927.341 | 153.350.791.130 |
| 141 | 1. | Hàng tồn kho | | 153.075.927.341 | 153.350.791.130 |
| 150 | V. | Tài sản ngắn hạn khác | | 907.964.051 | 2.609.309.670 |
| 151 | 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 12 | 385.744.949 | 276.770.933 |
| 152 | 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 522.219.102 | 2.332.170.337 |
| 153 | 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 15 | | 368.400 |
| 200 | B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 74.901.132.874 | 84.113.235.574 |
| 210 | I. | Các khoản phải thu dài hạn | | 540.333.291 | 1.020.448.000 |
| 216 | 1. | Phải thu dài hạn khác | 7 | 540.333.291 | 1.020.448.000 |
| 220 | II. | Tài sản cố định | | 24.778.158.359 | 30.076.773.735 |
| 221 | 1. | Tài sản cố định hữu hình | 11 | 24.778.158.359 | 30.076.773.735 |
| 222 | - | Nguyên giá | | 129.868.482.193 | 129.868.482.193 |
| 223 | - | Giá trị hao mòn lũy kế | | (105.090.323.834) | (99.791.708.458) |
| 240 | IV. | Tài sản dở dang dài hạn | 10 | | 1.052.198.682 |
| 242 | 2. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | | 1.052.198.682 |
| 250 | V. | Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 47.843.530.000 | 48.136.030.000 |
| 251 | 1. | Đầu tư vào công ty con | | 47.243.530.000 | 47.243.530.000 |
| 253 | 1. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 1.185.000.000 | 1.185.000.000 |
| 254 | 2. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (585.000.000) | (292.500.000) |
| 260 | VI. | Tài sản dài hạn khác | | 1.739.111.224 | 3.827.785.157 |
| 261 | 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 1.739.111.224 | 3.827.785.157 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | | 406.075.815.702 | 484.199.193.660 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | NGUỒN VỐN | | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|------------|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. | NỢ PHẢI TRẢ | | 219.236.202.902 | 290.818.573.358 |
| 310 | I. | Nợ ngắn hạn | | 199.615.426.538 | 246.268.802.572 |
| 311 | 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 28.721.437.123 | 37.700.976.707 |
| 312 | 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 14 | 57.664.698.457 | 25.304.961.141 |
| 313 | 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 15 | 8.494.722.776 | 14.174.733.765 |
| 314 | 4. | Phải trả người lao động | | 7.522.715.108 | 6.839.281.303 |
| 315 | 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 7.896.174.450 | 4.637.951.778 |
| 319 | 6. | Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 13.056.526.234 | 9.464.169.480 |
| 320 | 7. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 18 | 76.259.152.390 | 148.146.728.398 |
| 330 | II. | Nợ dài hạn | | 19.620.776.364 | 44.549.770.786 |
| 338 | 1. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 18 | 18.912.830.860 | 43.228.858.529 |
| 342 | 2 | Dự phòng phải trả dài hạn | | 707.945.504 | 1.320.912.257 |
| 400 | D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 186.839.612.800 | 193.380.620.302 |
| 410 | I. | Vốn chủ sở hữu | 19 | 186.839.612.800 | 193.380.620.302 |
| 411 | 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | | 144.235.360.000 | 144.235.360.000 |
| 411a | | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | | <i>144.235.360.000</i> | <i>144.235.360.000</i> |
| 412 | 2. | Thặng dư vốn cổ phần | | 15.704.407.780 | 15.704.407.780 |
| 418 | 4. | Quỹ đầu tư phát triển | | 24.059.867.940 | 23.973.167.197 |
| 421 | 5. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.839.977.080 | 9.467.685.325 |
| 421a | | <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | | <i>368.984.255</i> | <i>6.849.136.627</i> |
| 421b | | <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | | <i>2.470.992.825</i> | <i>2.618.548.698</i> |
| 440 | | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 406.075.815.702 | 484.199.193.660 |

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|-----------|-----------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 01 | 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21 | 170.200.625.216 | 272.999.010.450 |
| 02 | 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | | | - |
| 10 | 3. | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 170.200.625.216 | 272.999.010.450 |

| | | | | | |
|----|-----|---|----|-----------------|-----------------|
| 11 | 4. | Giá vốn hàng bán | 22 | 130.561.962.127 | 226.770.381.834 |
| 20 | 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 39.638.663.089 | 46.228.628.616 |
| 21 | 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 213.978.735 | 910.941.452 |
| 22 | 7. | Chi phí tài chính | 24 | 8.106.211.726 | 13.525.189.828 |
| 23 | | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 7.645.383.841 | 12.659.722.445 |
| 25 | 8. | Chi phí bán hàng | 25 | 3.526.981.043 | 3.362.921.087 |
| 26 | 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21.471.560.379 | 24.598.154.980 |
| 30 | 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 6.747.888.676 | 5.653.304.173 |
| 31 | 12. | Thu nhập khác | 27 | 2.089.939.294 | 2.471.343.625 |
| 32 | 13. | Chi phí khác | 28 | 1.606.688.908 | 72.607.132 |
| 40 | 14. | Lợi nhuận khác | | 483.250.386 | 2.398.736.493 |
| 50 | 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 7.231.139.062 | 8.052.040.666 |
| 51 | 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 29 | 4.760.146.237 | 5.433.491.968 |
| 52 | 17. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 2.470.992.825 | 2.618.548.698 |

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2020 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ đông và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn